

**NGHỊ QUYẾT**

**Quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG  
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 2527/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024, cụ thể như sau:



TT	Huyện, thành phố	Số lượng (người)	
		Cán bộ, công chức cấp xã	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã
1	Bảo Lạc	348	212
2	Bảo Lâm	271	167
3	Hạ Lang	274	170
4	Hà Quảng	497	271
5	Hòa An	309	179
6	Nguyên Bình	334	198
7	Quảng Hòa	437	239
8	Thạch An	278	166
9	Trùng Khánh	483	276
10	Thành phố Cao Bằng	234	138
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3.465</b>	<b>2.016</b>

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, Kỳ họp thứ 15 (*Chuyên đề*) thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua. *GV*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Đình Lê**



**Phụ lục**

**Giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)



STT	Tên huyện	Tổng số biên chế cán bộ, công chức được giao	Số lượng cán bộ	Số lượng công chức	Số người HĐKCT cấp xã	Ghi chú
1	Bảo Lạc	348	186	162	212	
2	Bảo Lâm	271	143	128	167	
3	Hạ Lang	274	143	131	170	
4	Hà Quảng	439	231	208	271	
5	Hòa An	299	163	136	179	
6	Nguyên Bình	334	184	150	198	
7	Quảng Hòa	391	208	183	239	
8	Thạch An	278	152	126	166	
9	Trùng Khánh	444	231	213	276	
10	Thành phố Cao Bằng	234	121	113	138	
<b>Tổng cộng:</b>		<b>3.312</b>	<b>1.762</b>	<b>1.550</b>	<b>2.016</b>	